

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/07/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mến

Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

(Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh M1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Quốc M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Quốc M và bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh M1 thành hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 18/01/2006.

Thời gian chung sống được khoảng 17 năm, lúc đầu sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không chung sống từ năm 2021 đến nay. Anh M1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Như Y, sinh ngày 15/03/2006, Trần Trọng A, sinh ngày 25/12/2008; Trần Trọng E, sinh ngày 25/12/2008, hiện đang sống với anh M. Anh M yêu cầu nuôi hết 03 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho phía chị M1 biết và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng chị M1 không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu ly hôn của anh M, đồng thời vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa anh M và chị M1. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm, anh M đề nghị xét xử vắng mặt, chị M1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Trần Quốc M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con với chị Nguyễn Thị Huỳnh M1, địa chỉ: ấp V, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn anh Trần Quốc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh M1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Nguyên đơn Trần Quốc M và bị đơn Nguyễn Thị Huỳnh M1 thành hôn trên cơ sở tự nguyện trên, vợ chồng chung sống từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 18/01/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị M1 là hợp pháp.

Thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị M1. Chị M1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết việc kiện với anh M nhưng chị M1 không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc kiện của anh M và vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ rằng tình cảm giữa anh M và chị M1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh M, xử cho anh M ly hôn chị M1 là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Trọng A, sinh ngày 25/12/2008; Trần Trọng E, sinh ngày 25/12/2008 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 15/03/2006 hiện đang sống với anh M. Anh M yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc giao 03 con chung cho anh M nuôi dưỡng vẫn đảm bảo, phù hợp nguyện vọng của các con, nên tiếp tục giao 03 con chung cho anh M nuôi dưỡng, chị M1 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh M nộp án phí 300.000 đồng, cản trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh M đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc M. Xử cho anh Trần Quốc M ly hôn chị Nguyễn Thị Huỳnh M1.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Thị Như Y, sinh ngày 15/03/2006, Trần Trọng A, sinh ngày 25/12/2008; Trần Trọng E, sinh ngày 25/12/2008 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Quốc M nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh M đã nộp theo biên lai thu số 0004007 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- UBND phường Tân Chánh Hiệp (số 08 ngày 18-01-2006);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Văn Điều